

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 5 - 2019

V/v ly hôn giữa anh B và chị L

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Nguyễn Ngọc Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn B, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: Xóm 6, xã HP, huyện HH, tỉnh Nam Định; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị L, sinh năm 1989; đăng ký thường trú: Xóm 6, xã HP, huyện HH, tỉnh Nam Định; nơi ở hiện nay: Đội 7, xã HM, huyện HH, tỉnh Nam Định; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/5/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Trần Văn B trình bày:

Anh kết hôn với chị Phạm Thị L có tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 24/11/2011 tại UBND xã HP, huyện HH, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng ở chung nhà với mẹ chồng. Trong cuộc sống giữa vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm. Từ tháng 06/2015 chị L bỏ nhà đi, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Tháng 6/2018 anh làm đơn ly hôn nhưng chị L không về giải quyết nên anh đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Thời gian gần đây chị L đã về quê sinh sống nhưng cũng không về nhà chồng, mâu thuẫn vợ chồng vẫn căng thẳng nên anh xin được ly hôn chị L.

Vợ chồng có 01 con chung là Trần Văn Biên, sinh ngày 14/3/2013 hiện đang ở với chị L. Anh nhường chị L trực tiếp nuôi con, anh không phải cấp dưỡng nuôi

con. Hiện tại anh đang làm nghề cơ khí tại Thành phố Hồ Chí Minh, thu nhập không ổn định, sau này anh sẽ có trách nhiệm với con.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16/5/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn chị Phạm Thị L trình bày:

Chị thống nhất với anh B về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và thời gian vợ chồng ly thân. Về mâu thuẫn vợ chồng, theo chị L trình bày nguyên nhân là do chị sinh con muộn nên anh B nói chị có con với người khác, chứ không phải con anh B. Anh B thường xuyên đánh chửi chị vô cớ, chị còn nghe dư luận anh B có quan hệ ngoại tình. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị bỏ về nhà ngoại ở từ tháng 06/2015 sau đó đi làm ăn trong tỉnh Đồng Nai đến tháng 04/2019 mới về quê và ở nhờ nhà bố mẹ đẻ chị tại xã Hải Minh, huyện Hải Hậu. Trong thời gian đi làm ở tỉnh Đồng Nai, chị có biết tin anh B xin ly hôn nhưng do bận công việc nên chị không về. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm gì nhưng chị theo Đạo Công giáo không cho phép ký văn bản đồng ý ly hôn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, tùy vào sự lựa chọn của anh B.

Về con chung, chị L thống nhất với anh B có 01 con chung đang ở với chị tại nhà bố mẹ đẻ chị. Nguyên vọng của chị nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì chị nhận trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, cho con bao nhiêu là tùy anh B. Hiện tại chị được bố mẹ đẻ hỗ trợ nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng, chị L thống nhất với ý kiến của anh B, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Trần Văn B vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn B và chị Phạm Thị L kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 24/11/2011 tại UBND xã Hải Phương, huyện Hải Hậu nên có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh B và chị L đã nảy sinh mâu thuẫn do thiếu sự quan tâm, chăm sóc đến nhau và còn nghi ngờ nhau về sự chung thủy vợ chồng; vợ chồng đã ly thân từ tháng 06/2015 đến nay. Anh B xin ly hôn, chị L không nhất trí nhưng cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, chị không ký thủ tục ly hôn vì luật tôn giáo không cho phép. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh B và chị L cũng đã trầm trọng, kéo dài từ nhiều năm nay, các bên không có giải pháp gì để đoàn tụ vợ chồng nên nếu có tiếp tục duy trì thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của anh Trần Văn B xin ly hôn chị Phạm Thị L là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh B và chị L thống nhất có một con chung là cháu Trần Văn Biên, sinh ngày 14/3/2013 hiện đang ở với chị L. Anh B đồng ý để chị L trực tiếp nuôi con, chị L cũng nhất trí nên cần giao cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị L tự nguyện không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Anh B và chị L thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn anh Trần Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần Văn B và chị Phạm Thị L.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Phạm Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Trần Văn Biên, sinh ngày 14/3/2013.

Anh Trần Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Trần Văn B phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên Li số AA/2016/0000419 ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Anh Trần Văn B đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Trần Văn B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ. Bị đơn chị Phạm Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự: 02 bản;
- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện + tỉnh: 2 bản;
- Chi cục THADS huyện: 1 bản;
- UBND xã Hải Phương: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trung Kiên